

Số: **788** /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày **16** tháng **4** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận cho triển khai thực hiện đối với các dự án đầu tư và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chưa đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện, thị xã

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 189/TTr-STNMT ngày 14/4/2020 và Công văn số 790/STNMT-CCQLĐĐ ngày 09/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho triển khai thực hiện đối với dự án đầu tư và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất mà chưa đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Đồng Phú, Chơn Thành, Lộc Ninh, Bù Đốp và thị xã Phước Long, cụ thể như sau:



1. Cho phép triển khai thực hiện đối với 09 dự án đầu tư, với tổng diện tích 494.960,4 m².

2. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với 25 trường hợp với diện tích 79.512,0 m².

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Sau khi có Quyết định, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm:

1. UBND huyện Đồng Phú, Chơn Thành, Lộc Ninh, Bù Đốp và thị xã Phước Long:

a) Tiến hành cập nhật danh mục các dự án đầu tư tại biểu chi tiết kèm theo vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của địa phương.

b) Tổ chức thực hiện việc cho thuê đất theo thẩm quyền đối với các trường hợp tại biểu chi tiết kèm theo đúng trình tự, quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc cho thuê đất đối với các dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận cho triển khai thực hiện theo trình tự, quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thị xã cập nhật và lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo đúng quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã: Đồng Phú, Chơn Thành, Lộc Ninh, Bù Đốp, Phước Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh



**DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN: ĐỒNG PHÚ, CHƠN THÀNH, LỘC NINH VÀ BÙ ĐÓP**

(Kèm theo Quyết định số 788 /QĐ-UBND ngày 16 / 4 /2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý	Diện tích (m ²)	Loại đất trước khi CMD	Loại đất sau khi CMD	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư	Ghi chú
I	Huyện Đồng Phú			257.108,1				
1	Xưởng sản xuất phen chua	Xã Tân Hưng	Công ty Cổ phần Trường Phát BP	45.108,1	CLN	SKC	QĐCTĐT số 468/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh	
2	Trang trại chăn nuôi heo	Xã Thuận Phú	Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận Phát	102.000,0	CLN	NKH, PNK	QĐCTĐT số 2361/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh	
3	Trang trại chăn nuôi heo	Xã Thuận Phú	Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận Thành	110.000,0	CLN	NKH, PNK	QĐCTĐT số 2362/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh	
II	Huyện Chơn Thành			107.318,6				
1	Xây dựng cơ sở thờ tự	Thị trấn Chơn Thành	Chùa Trung An	5.000,0	CLN	TON	Công văn số 2036/UBND-KT ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh	
2	Nhà máy chế biến gỗ	Xã Quang Minh	Công ty TNHH MTV Gỗ Hà Nam	102.318,6	CLN	SKC	QĐCTĐT số 2517/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND tỉnh	

III	Huyện Lạc Ninh			10.000,0				
1	Nhà máy sản xuất gốm sứ xuất khẩu	Xã Lạc Thịnh	Công ty TNHH MTV Thành Đông Bắc	5.000,0	CLN	SKC	QĐCTĐT số 2620/QĐ- UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh	
2	Xây dựng cơ sở thời tự	Xã Lạc Hòa	Giáo xứ lạc Hòa	5.000,0	CLN	TON	Công văn số 2387/UBND-KT ngày 04/11/2019 của UBND tỉnh	
IV	huyện Bù Đốp			120.533,7				
1	Cửa hàng xăng dầu Yến Minh	Xã Thanh Hòa	Công ty TNHH MTV XD Yến Minh	533,7	ONT, CLN	TMD	QĐCTĐT số 456/QĐ- UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh	
2	Trang trại chăn nuôi heo Lạc Thuận	Xã Phước Thiện	Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thuận	120.000,0	RSX	NKH, PNK	QĐCTĐT số 479/QĐ- UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh	
Tổng				494.960,4				

**DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH ĐĂNG KÝ BỔ SUNG NHU CẦU CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 THỊ XÃ PHƯỚC LONG**

(Kèm theo Quyết định số 788 /QĐ-UBND ngày 16 / 4 /2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Số thửa	Số tờ	Diện tích (m ²)	Loại đất trước khi CMD	Loại đất sau khi CMD	Ghi chú
1	Cao Thị Thảo	Sơn Giang	209	20	2.500	CLN	SKC	
2	Nguyễn Thị Huệ	Sơn Giang	1+2A		1.500	CLN	SKC	
3	Nguyễn Ngọc Nhung	Sơn Giang	36	26	1.000	CLN	SKC	
4	Lê Hùng	Phước Tín	PT	ĐL	3.000	CLN	SKC	
5	Nguyễn Quang Hưng	Phước Tín	PT	ĐL	2.500	CLN	SKC	
6	Trương Quốc Hải	Phước Tín	PT	ĐL	7.000	CLN	SKC	
7	Nguyễn Quốc Dũng	Phước Tín	PT	ĐL	10.000	CLN	SKC	
8	Bùi Hữu Lộc	Phước Tín	PT	ĐL	5.500	CLN	SKC	
9	Phạm Quang Vĩnh	Long Phước	196	14	2.000	CLN	SKC	
10	Hoàng Kim Mạnh	Long Phước	48	20	3.500	CLN	SKC	
11	Nguyễn Hoàng Duy	Long Phước	477	21	1.412	CLN	SKC	
12	Thiều Thị Bốn	Long Thủy	48	5	750	CLN	SKC	

13	Đỗ Tấn	Thác Mơ	238	53	1.500	CLN	SKC	
14	Nguyễn Xuân Thọ	Thác Mơ	57	2	300	CLN	SKC	
15	Tạ Anh Tuấn	Long Giang	85	9	5.000	CLN	SKC	
16	Nguyễn Thị Bích Vân	Long Giang	103;105	5	3.000	CLN	SKC	
17	Nguyễn Đức	Long Giang	24	7	3.000	CLN	SKC	
18	Nguyễn Thị Liên	Phước Bình	2	29	2.500	CLN	SKC	
19	Đồng Minh Duy	Phước Bình	81	24	10.000	CLN	SKC	
20	Trần Văn Tuấn	Phước Bình	351	36	800	CLN	SKC	
21	Nguyễn Thanh	Phước Bình	123; 326; 329	27	3.000	CLN	SKC	
22	Đỗ Thanh Tùng	Phước Bình	63, 110, 111	21; 26	3.000	CLN	SKC	
23	Nguyễn Quốc Dũng	Phước Bình	34; 35	36	5.000	CLN	SKC	
24	Nguyễn Thị Kim Sơn	Phước Bình	163	19	250	CLN	SKC	
25	Trần Văn Tiến	Phước Bình	417	34	1.500	CLN	SKC	
Tổng						79.512,0		